

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

SOULATPHONE BOUNMAPHETH

**QUAN HỆ HỢP TÁC LÀO - VIỆT NAM
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 1986-2016**

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 9310206

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học: GS,TS Nguyễn Vũ Tùng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện họp tại

vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu Luận án tại Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lào – Việt Nam là hai quốc gia có mối quan hệ đặc biệt, truyền thống từ lâu đời. Hơn nửa thế kỷ qua, Lào và Việt Nam đã luôn coi trọng và không ngừng phát triển quan hệ đoàn kết đặc biệt, tạo nên tảng thúc đẩy hợp tác trên tất cả các lĩnh vực. Trong đó, giáo dục là lĩnh vực hợp tác chiến lược có bề dày lịch sử lâu đời và được xem là một lĩnh vực hợp tác thành công giữa hai nước. Đặc biệt, từ năm 1986 khi hai nước bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, hợp tác giáo dục Lào - Việt Nam càng được chú trọng, ngày càng đi vào chiều sâu.

Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế của thời hậu chiến tranh Lạnh cùng với địa vị quốc tế của mỗi nước từ sau đổi mới, mở cửa đã xuất hiện những nhân tố mới tác động đến quan hệ hợp tác Lào – Việt nói chung và hợp tác giáo dục song phương nói riêng với cả cơ hội và thách thức. Thực tế cũng cho thấy chất lượng và hiệu quả hợp tác giáo dục của hai nước thời gian qua cũng bộc lộ những hạn chế cần phân tích để làm rõ nguyên nhân, tìm giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác trong tương lai, đáp ứng được yêu cầu phát triển của hai nước trong thời đại mới. Trong khi, dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về quan hệ Lào – Việt nói chung, hợp tác giáo dục giữa hai nước nói riêng, song vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu về vấn đề này tiếp cận từ góc độ quan hệ quốc tế trong một giai đoạn dài 30 năm (1986-2016) kể từ khi hai nước tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước. Vì vậy, trước bối cảnh mới của quốc tế, khu vực cũng như của hai nước Lào, Việt Nam có nhiều thay đổi, việc đánh giá, tổng kết, nghiên cứu nghiêm túc, đầy đủ về quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước từ đổi mới đến nay là rất cần thiết để hai bên kịp thời có những điều chỉnh phù hợp trong hợp tác song

phương, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả và chất lượng hợp tác Lào – Việt trong lĩnh vực giáo dục.

Xuất phát từ những lý do trên, người viết đã chọn đề tài “*Quan hệ hợp tác Lào - Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục giai đoạn 1986-2016*” làm đề tài nghiên cứu sinh. Tuy vậy, do giai đoạn nghiên cứu dài, lại trong thời kỳ hai nước thực hiện chuyển đổi nhiều mặt về kinh tế - xã hội nên nguồn số liệu về hợp tác giáo dục song phương không được cập nhật đầy đủ và thiếu tính hệ thống, làm người viết gặp không ít khó khăn trong quá trình triển khai đề tài. Song người viết đã cố gắng để phân tích thực trạng, đánh giá tình hình và rút ra một số đặc điểm tiêu biểu, bài học kinh nghiệm với hy vọng luận án sẽ góp phần thúc đẩy hợp tác giáo dục giữa hai nước ngày càng phát triển, không ngừng vun đắp cho truyền thống đoàn kết hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào – Việt Nam ngày càng đơm hoa kết trái.

2. Lịch sử nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1.1. Một số công trình nghiên cứu về quan hệ Lào - Việt Nam

Các công trình nghiên cứu của tác giả Lào chủ yếu là các bài viết ngắn nên có những hạn chế nhất định về dung lượng, độ sâu, độ rộng của các công trình nghiên cứu. Dù vậy, các nghiên cứu này đã có những đánh giá bước đầu về hợp tác song phương trong lĩnh vực giáo dục từ năm 1975 đến 2017 và triển vọng trong tương lai. Trong khi đó, Việt Nam đã có những công trình nghiên cứu khá dày dặn, bài bản, tổng quan về quan hệ Việt Nam – Lào trên tất cả các lĩnh vực hợp tác, trong đó có hợp tác giáo dục giữa hai nước từ khi thiết lập quan hệ cho đến năm 2016. Tuy nhiên, nội dung nghiên cứu về hợp tác giáo dục mới chỉ được trình bày mang tính khái quát, thiếu những phân tích, đánh giá chuyên sâu trong từng giai đoạn cụ thể. Ngoài ra,

cũng đã có những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về quan hệ hợp tác Lào – Việt Nam nhưng chủ yếu là những nghiên cứu tổng quát và những nghiên cứu mang tính lịch sử về hợp tác giữa hai nước trong thời kỳ đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc.

2.1.2. Các công trình nghiên cứu về hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam

Các công trình nghiên cứu của tác giả Lào và các tác giả Việt Nam về hợp tác giáo dục song phương chủ yếu là các bài viết được đăng tải trên các tờ báo, tạp chí mà vẫn thiếu những công trình nghiên cứu bài bản, hệ thống, phân tích và đánh giá toàn diện về từng giai đoạn hợp tác giáo dục giữa Lào và Việt Nam, nhất là trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

Trong khi, nghiên cứu của tác giả nước ngoài về quan hệ hợp tác giáo dục giữa Lào và Việt Nam về cơ bản là khá khiêm tốn, nếu như không muốn nói là hầu như không có. Đa phần các nghiên cứu chủ yếu là về nền giáo dục của từng nước trong sự so sánh, đối chiếu lẫn nhau.

2.2. Một số nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Qua nghiên cứu và tổng hợp các công trình nghiên cứu khoa học, các tạp chí đã công bố, có thể thấy vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu toàn diện, sâu sắc và cập nhật hợp tác giáo dục song phương Lào – Việt ở cấp độ quốc gia, tiếp cận từ nghiên cứu quan hệ quốc tế trong khoảng thời gian dài 30 năm từ 1986 đến 2016. Đây thực sự là một khoảng trống trong nghiên cứu về quan hệ đặc biệt hai nước nói chung, lĩnh vực giáo dục nói riêng.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu:

Phân tích, làm rõ nội dung, quá trình triển khai quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước Lào - Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2016.

3.2. Nội dung nghiên cứu:

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam trong giai đoạn 1986-2016; phân tích nội dung, quá trình triển khai hợp tác giáo dục 30 năm với hai thời đoạn chính từ 1986-2005 và 2006-2016; đánh giá những đặc điểm tiêu biểu, những thành tựu đạt được và những hạn chế còn tồn tại; từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả hợp tác giáo dục của hai nước Lào - Việt Nam trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Quan hệ hợp tác Lào - Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục, từ góc độ tiếp cận của phía Lào.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi thời gian: Luận án nghiên cứu về hợp tác giáo dục của hai nước Lào - Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2016. Năm 1986 là năm Lào và Việt Nam cùng tiến hành công cuộc đổi mới đất nước toàn diện trên tất cả các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực giáo dục. Vì vậy, nghiên cứu về hợp tác giáo dục Lào - Việt Nam từ năm 1986 sẽ giúp có cái nhìn toàn diện về hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này. Trong khi, năm 2016 được chọn làm giới hạn nghiên cứu vì đây là năm chuyển giao các thỏa thuận hợp tác song phương theo trung hạn 5 năm giữa hai nước, với việc hai nước kết thúc triển khai thực hiện hiệp định hợp tác song phương giai đoạn 2010-2015 và ký kết triển khai mới hiệp định giai đoạn 2016-2020. Đáng chú ý, đây cũng là năm chuyển tiếp để đánh giá giai đoạn 5 năm đầu của Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt – Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020 giữa hai nước.

Trong triển khai nghiên cứu, luận án được chia làm hai thời đoạn, 1986-2005 và 2006-2016. Bởi năm 2005, Chính phủ Lào và Việt Nam đã thống nhất mở rộng hợp tác giáo dục bằng nhiều kênh, nhiều hình thức, mở đầu cho một giai đoạn phát triển mới trong hợp tác giáo dục giữa hai nước. Vì vậy, việc chia nội dung nghiên cứu thành hai giai đoạn như trên sẽ giúp thấy được sự phát triển, bước chuyển mạnh mẽ trong hợp tác giáo dục giữa hai nước Lào – Việt Nam cũng như triển vọng trong hợp tác giữa hai nước trong chặng đường tiếp theo.

Phạm vi không gian: Luận án nghiên cứu về hợp tác giáo dục tại hai nước Lào, Việt Nam, chủ yếu từ cấp độ quốc gia.

Phạm vi nội dung: Luận án nghiên cứu về mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa Lào và Việt Nam qua lăng kính của nghiên cứu quan hệ quốc tế.

5. Phương pháp và tư liệu nghiên cứu

Do đề tài có tính chất liên ngành nên luận án kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu chung trong khoa học xã hội, và các phương pháp riêng trong ngành quan hệ quốc tế như phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác- Lênin, phương pháp lịch sử, logic; tiếp cận hệ thống; phương pháp thu thập, phân tích tài liệu; phương pháp so sánh và phân tích, tổng hợp và dự báo; và phương pháp phỏng vấn chuyên gia.

6. Tư liệu nghiên cứu

Nguồn tư liệu sử dụng trong luận án, gồm các tài liệu, văn kiện Đại hội Đảng của Lào, Việt Nam; báo cáo, tổng kết của các ban, bộ, ngành hai nước; và các công trình nghiên cứu bằng cả tiếng Lào và tiếng Việt của các tác giả đi trước.

7. Những đóng góp của luận án

Thứ nhất, luận án là công trình nghiên cứu được tiếp cận từ góc độ quan hệ quốc tế với việc vận dụng các lý thuyết cơ bản để làm sáng tỏ hơn hợp tác Lào – Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục, từ đó giúp hiểu rõ mối quan hệ hai nước trong thời gian qua. Thứ hai, qua phân tích quá trình triển khai hợp tác 1986-2016, luận án cũng là công trình nghiên cứu, tổng kết thực trạng hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam trong một giai đoạn dài với những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại, nguyên nhân, từ đó rút ra đặc điểm và bài học kinh nghiệm trong hợp tác giáo dục song phương. Thứ ba, những nội dung nghiên cứu trong luận án có những đóng góp tích cực cho công tác xây dựng, hoạch định chính sách đối ngoại nói chung, chính sách hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nói riêng giữa Lào và Việt Nam, góp phần nâng cao quan hệ hợp tác giữa hai nước. Thứ tư, luận án cũng là một tài liệu tham khảo cần thiết, phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, đồng thời là nguồn tài liệu tham khảo cho các bộ ban ngành hai nước trong hợp tác giáo dục song phương.

8. Bố cục luận án

Chương 1 làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam từ đổi mới đến năm 2016.

Chương 2 phân tích nội dung và thực tiễn hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam theo hai thời đoạn, 1986-2005 và 2006-2016.

Chương 3 đánh giá những đặc điểm hợp tác tiêu biểu, những thành tựu, hạn chế, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong hợp tác giáo dục Lào – Việt trong giai đoạn 1986-2016.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ HỢP TÁC LÀO - VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Các khái niệm liên quan đến hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam

1.1.1.1. Khái niệm hợp tác trong quan hệ quốc tế

“Hợp tác quốc tế là sự phối hợp hòa bình giữa các chủ thể quan hệ quốc tế nhằm thực hiện các mục đích chung”. Chủ thể quan hệ quốc tế là những thực thể đóng một vai trò có thể nhận thấy được trong quan hệ quốc tế, được chia thành ba loại, gồm: chủ thể quốc gia, chủ thể phi quốc gia và chủ thể dưới quốc gia.

1.1.1.2. Khái niệm giáo dục và hợp tác giáo dục

Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của giáo dục là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử xã hội của các thế hệ loài người, nhờ có giáo dục mà các thế hệ nối tiếp nhau phát triển, tinh hoa văn hoá nhân loại và dân tộc được kế thừa, bổ sung và trên cơ sở đó mà xã hội loài người không ngừng tiến lên. Hợp tác giáo dục giữa hai quốc gia là quá trình phối hợp hòa bình giữa hai nước trong lĩnh vực giáo dục nhằm đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra.

1.1.2. Các lý thuyết quan hệ quốc tế liên quan đến đề tài

1.1.2.1. Chủ nghĩa hiện thực

Theo cách lý giải của chủ nghĩa hiện thực, việc các nước vừa và nhỏ như Lào và Việt Nam, liên minh, cân bằng quyền lực bên ngoài sẽ tạo nên nguồn sức mạnh quan trọng nhất định. Vì lợi ích của chính Lào và Việt Nam, cùng với sự can dự đan xen của mâu thuẫn và lợi ích của các đối tác bên ngoài khiến hai nước tăng cường hợp tác trong một lĩnh vực là rất cần thiết. Hợp tác giáo dục giúp hai nước Lào – Việt Nam liên minh, liên kết, tạo nên sức mạnh quyền lực mềm, tạo thêm thế và lực khi đàm phán, nhằm đạt được mục tiêu trong quan hệ quốc tế.

1.1.2.2. Chủ nghĩa tự do

Hợp tác giữa Lào và Việt Nam ở các cấp độ, lĩnh vực, trong đó có giáo dục là cần thiết và phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa tự do. Hợp tác giáo dục song phương giữa Lào và Việt Nam sẽ giúp hai nước đan xen lợi ích, lan tỏa, tạo sức mạnh mềm tác động hài hòa sang các lĩnh vực hợp tác khác.

1.1.2.3. Chủ nghĩa kiến tạo

Dưới góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo, hợp tác Lào – Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục là rất quan trọng, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, gắn kết chặt chẽ giữa nhân dân hai nước, tạo nên những điểm tương đồng, những giá trị, chuẩn mực, bản sắc chung, nhận thức chung, giúp tình đoàn kết giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước ngày một sâu đậm. Đặc biệt, chủ nghĩa kiến tạo đã đưa ra những biến số thuộc về tư tưởng, nhận thức trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu về đề tài hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam, nhất là từ việc coi trọng và đánh giá cao vai trò và sự tương tác giữa các cá nhân thuộc tầng lớp tinh hoa để thay đổi nhận thức chủ quan, hướng đến xây dựng bản sắc, chuẩn mực chung (lợi ích chung).

1.1.2.4. Chủ nghĩa Mác – Lênin

Chủ nghĩa Mác – Lênin lý giải rõ về việc cần thiết tăng cường đoàn kết, tình nguyện giúp đỡ nhau, hợp tác toàn diện trên tinh thần anh em, đồng chí của hai nước Lào – Việt Nam. Đó là mối quan hệ giữa hai nước XHCN do giai cấp công nhân cầm quyền, có chung hệ tư tưởng, có chung chế độ kinh tế - chính trị, chung mục tiêu, được xây dựng trên các nguyên tắc của “chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa quốc tế XHCN”.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Tình hình thế giới và khu vực

1.2.1.1. Tình hình thế giới

Thứ nhất là sự sụp đổ của hệ thống CNXH và trật tự hai cực, hình thành trật tự thế giới mới, với các xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển khoa học công nghệ với quá trình quốc tế hóa giáo dục, đổi mới giáo dục được thúc đẩy trên quy mô toàn cầu.

Thứ hai là yếu tố cạnh tranh trong thu hút du học sinh giữa các nước, giữa các cơ sở giáo dục cùng cuộc đua quyết liệt trên các bảng đánh giá, xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới và khu vực.

Thứ ba là sự hợp tác, đầu tư cho phát triển được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực, từ kết nối cơ sở hạ tầng giao thông đến thông tin liên lạc, ứng dụng khoa học công nghệ trong giáo dục.

1.2.1.2. Tình hình khu vực

Hợp tác giáo dục Lào – Việt những ảnh hưởng mạnh mẽ từ tình hình khu vực châu Á – Thái Bình Dương, nhất là quá trình hội nhập sâu rộng của ASEAN với việc xây dựng cộng đồng ASEAN, trụ cột Cộng đồng văn hóa – xã hội, và xu thế đẩy mạnh hợp tác, cạnh tranh của các nước lớn, các nước láng giềng trong khu vực với hai nhân tố có vai trò đáng kể là Trung Quốc và Thái Lan

1.2.2. Lợi ích của Lào và Việt Nam trong bối cảnh mới từ 1986 đến 2016

Thứ nhất, không chỉ để đào tạo nguồn nhân lực xây dựng phát triển kinh tế - xã hội thuần túy mà cốt lõi là nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa ở hai nước.

Thứ hai, hợp tác giáo dục song phương là lĩnh vực giúp hai nước chăm lo cho nhau những nhân tố đảm bảo sự kế tục, phát triển của mối quan hệ đặc biệt không chỉ ở hiện tại mà cả trong tương lai.

Riêng đối với Lào, hợp tác với Việt Nam giúp Lào bảo đảm sự vững chắc về an ninh quốc gia, góp phần mở rộng ảnh hưởng của Lào nhằm giảm sức ép từ Trung Quốc và Thái Lan. Về phía Việt Nam, tăng cường quan hệ với Lào giúp Việt Nam tiếp tục củng cố và tăng cường ảnh hưởng tại Lào, đảm bảo duy trì và phát triển những lợi ích chiến lược của Việt Nam tại Lào, từ đó góp phần nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong khu vực.

1.2.3. Nhu cầu hợp tác giáo dục giữa hai nước

Xuất phát điểm là hai nước nghèo, kém phát triển, bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh nên vào những năm 80, 90 của thế kỷ XX, dù đã có nhiều cố gắng nhưng nền giáo dục của Lào và Việt Nam vẫn còn nhiều yếu kém, trình độ dân trí còn thấp, thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, bất cập về cơ cấu... chưa đáp ứng được yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, nhu cầu hợp tác giáo dục giữa hai nước Lào – Việt Nam luôn được đặt ra.

1.2.4. Quan hệ hợp tác giáo dục Lào - Việt Nam trước năm 1986

Hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam từ trước năm 1986 đã được triển khai và thực hiện thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức, nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, trong từng thời kỳ, hợp tác giáo dục song phương cũng có những nét đặc trưng riêng biệt.

Trong giai đoạn trước năm 1975, hợp tác giáo dục giữa hai nước chủ yếu nhằm xóa nạn mù chữ, phát triển công tác giáo dục tại các vùng giải phóng Lào và góp phần xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ nòng cốt lãnh đạo của Lào.

Trong giai đoạn từ năm 1975 đến 1985, trên cơ sở những kết quả hợp tác đã đạt được trước đó, Lào đã có khả năng và nguồn lực để đào tạo học sinh cấp I và cấp II nên hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam

chú trọng hơn vào tăng cường đào tạo học sinh cấp III, đào tạo đại học và trung học chuyên nghiệp tại Việt Nam. Trong khi, hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận chính trị của hai Nhà nước và hai Đảng vẫn tiếp tục được chú trọng và tăng cường. Song rõ ràng, do điều kiện lịch sử, hợp tác giáo dục song phương Lào – Việt Nam trước năm 1986 mới chỉ mang tính chất một chiều, ngành giúp ngành với sự giúp đỡ nhiệt tình, trách nhiệm từ phía Việt Nam.

Tiểu kết

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn được phân tích, hợp tác giáo dục song phương Lào – Việt Nam, Việt Nam – Lào được xây dựng, hình thành, phát triển và chịu tác động mạnh mẽ từ tình hình thế giới và khu vực, lợi ích và nhu cầu của Lào và Việt Nam trong bối cảnh mới khi tiến hành đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế từ năm 1986, cũng như nền tảng quan hệ hợp tác giáo dục song phương Lào – Việt từ buổi ban đầu của thời kỳ cách mạng đến trước năm 1986.

Hợp tác giáo dục giữa Lào và Việt Nam đã có một bề dày lịch sử từ những năm tháng đấu tranh chống kẻ thù chung. Trong giai đoạn trước năm 1986, hợp tác giáo dục giữa Lào và Việt Nam được phát triển với tính chất ngành giúp ngành. Đồng thời, những kết quả đạt được đã góp củng cố, giữ gìn và phát triển tình đoàn kết gắn bó giữa hai dân tộc và sự phát triển của đất nước Lào anh em. Đây là cơ sở để thúc đẩy, phát triển hợp tác giáo dục Lào - Việt trong giai đoạn tiếp theo.

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI HỢP TÁC LÀO - VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 1986-2016

2.1. Thời đoạn 1986-2005

2.1.1. Nội dung hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam

Từ năm 1986, Lào và Việt Nam thống nhất không gửi lưu học sinh Lào sang Việt Nam đào tạo bậc phổ thông và hạn chế đào tạo bậc trung học chuyên nghiệp. Thay vào đó, Việt Nam tăng cường đào tạo giúp Lào bậc sau đại học (cao học). Đồng thời, phía Lào còn yêu cầu Việt Nam cử các chuyên gia sang giúp xây dựng chương trình giảng dạy, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp... Đáng chú ý, trong khi triển khai Hiệp định hợp tác hàng năm giữa hai Chính phủ, tháng 10/1992, Nghị định thư về việc trao đổi hợp tác đào tạo cán bộ giữa nước CHXHCN Việt Nam với nước CHDCND Lào giai đoạn 1992-1995 được ký kết. Hợp tác giáo dục giữa hai nước được triển khai thực hiện theo Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật được hai bên thỏa thuận và ký kết theo từng năm và từng giai đoạn 5 năm với các chỉ tiêu và định hướng cụ thể.

2.1.2. Thực tiễn hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam

2.1.2.1. Về cơ chế phối hợp

Hợp tác giáo dục song phương được hai bên quán triệt cụ thể ngay sau các cuộc hội đàm thường niên giữa Bộ Chính trị hai Đảng và được triển khai trên cơ sở Cơ chế chung giữa hai nước về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật năm 1994.

2.1.2.2. Về số lượng và các hệ đào tạo

Trong những năm đầu đổi mới, Việt Nam đã đào tạo cho Lào 537 cử nhân của các ngành và 252 lưu học sinh trung học chuyên nghiệp.

Số lượng lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam về cơ bản tăng liên tục qua các năm trong giai đoạn này. Về các hệ đào tạo, trước 1995, lưu học sinh Lào sang Việt Nam chủ yếu theo học các hệ dài hạn ở các bậc trung học, đại học và sau đại học. Từ năm 1995, hai bên nhanh chóng chuyển hướng kết hợp đào tạo dài hạn, chính quy với tăng cường bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ hệ ngắn hạn cho Lào, kết hợp cử chuyên gia đào tạo tại Lào với việc mở rộng hình thức đào tạo tại chức cho Lào tại Việt Nam.

Ở chiều ngược lại, từ năm 1992, thực hiện các Hiệp định đã ký kết, các học sinh Việt Nam đã được cử sang Lào học tập.

2.1.2.3. Về loại hình và lĩnh vực đào tạo

Loại hình đào tạo đại học và sau đại học với nhiều chuyên ngành khác nhau là loại hình đào tạo chủ yếu, chiếm 95% số lượng lưu học sinh của hai nước được đào tạo tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành của hai nước. Tuy nhiên, từ 1986 đến 2005, số lưu học sinh Lào đào tạo tại Việt Nam chủ yếu là đào tạo trình độ đại học, trình độ cao học và nghiên cứu sinh còn khá ít.

Các lĩnh vực hợp tác đào tạo bậc đại học và sau đại học giữa hai nước giai đoạn này rất phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, số lượng lưu học sinh Lào gửi sang đào tạo tại Việt Nam hệ chính quy chủ yếu ở các ngành: ngoại thương, luật, ngoại giao, tài chính – kế toán, giao thông – vận tải, y khoa. Trong khi đó, các ngành xây dựng, nông nghiệp, lâm nghiệp, dược, sư phạm... ít được phía Lào gửi lưu học sinh sang. Đặc biệt, hai bên cũng đã mở ra nhiều loại hình và lĩnh vực đào tạo mang tính đặc thù riêng có như các khóa đào tạo, bồi dưỡng chương trình cao cấp lý luận chính trị dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào.

Ở chiều ngược lại, lưu học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào chủ yếu là chương trình đại học dài hạn chính quy tập trung 5 năm và thực tập bồi dưỡng ngắn hạn chuyên môn nghiệp vụ.

2.1.2.4. Về hình thức hợp tác và chất lượng đào tạo

Bên cạnh hình thức hợp tác giáo dục theo Hiệp định hàng năm, trong thời đoạn này, các hình thức hợp tác khác như hợp tác giữa các địa phương, liên kết đào tạo có thu phí và mô hình hợp tác đào tạo tại chỗ cho Lào cũng được khuyến khích mạnh mẽ. Ngoài ra, các hình thức tự túc và theo học bổng của các tổ chức quốc tế du học tại Lào và Việt Nam cũng đã xuất hiện trong hợp tác giáo dục song phương hai nước nhưng ở thời đoạn này vẫn còn khá mới và chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, bước vào thời đoạn này, các yêu cầu xét tuyển đầu vào đã chính thức được đặt ra trong hợp tác giáo dục song phương Lào – Việt Nam. Tuy nhiên, nhìn chung, trình độ tiếng Việt và việc chuẩn bị tiếng Việt cho học tập và nghiên cứu của lưu học sinh Lào còn nhiều bất cập. Do đó, chất lượng đầu vào, chuẩn đầu ra và các yếu tố đảm bảo chất lượng trong hợp tác giáo dục song phương giai đoạn này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

2.1.2.4. Về kinh phí, chương trình, giáo trình và cơ sở vật chất, hạ tầng giáo dục

Trong thời kỳ 1991-1995, hai bên đã thống nhất dành 69% số vốn viện trợ không hoàn lại của Việt Nam dành cho Lào để đào tạo nguồn nhân lực giúp Lào. Giai đoạn 1996-2000, tiếp tục gần một nửa số viện trợ (46,89%) được dành cho giáo dục - đào tạo. Trong thời đoạn 2001-2005, tổng viện trợ của Việt Nam cho Lào khoảng 590 tỉ đồng, trong đó giáo dục chiếm 38,64%.

Về xây dựng hạ tầng giáo dục, bắt đầu từ năm 1995, Chính phủ hai nước đã triển khai hợp tác xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo ở các cấp học tại các tỉnh thành của Lào, đặc biệt là tại các tỉnh vùng sâu, vùng xa, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, giáo dục cho người dân Lào. Ngoài ra, với tinh thần quan hệ đặc biệt Lào – Việt, các địa phương hai nước cũng hợp tác, giúp đỡ nhau xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng giáo dục.

2.2. Thời đoạn 2006-2016

2.2.1. Nội dung hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam

Bước sang thời đoạn 2006 - 2016, nội dung hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam tiếp tục là ưu tiên quan trọng trong các thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học – kỹ thuật giữa hai nước. Trên cơ sở đó, hai nước đã ký hàng loạt các hiệp định, nghị định thư, các thỏa thuận hợp tác và các kế hoạch hợp tác giáo dục song phương theo giai đoạn 5 năm và từng năm, tạo thành một hệ thống các nội dung, cơ chế hợp tác để các bộ, ngành, địa phương hai bên triển khai thực hiện.

Đặc biệt, để tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong hợp tác giáo dục song phương giữa hai nước, ngày 22/4/2011, hai nước đã phối hợp xây dựng và ký kết thỏa thuận nhất trí triển khai Đề án Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Lào – Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020. Ngoài ra, nội dung hợp tác giáo dục giai đoạn 2006-2016 tiếp tục được các địa phương của Lào và Việt Nam quan tâm, thúc đẩy trong các thỏa thuận, kế hoạch hợp tác tổng thể được ký kết giữa các địa phương hai bên.

2.2.2. Thực tiễn hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam

2.2.2.1. Về cơ chế phối hợp

Hàng năm căn cứ vào Hiệp định hợp tác giữa hai Chính phủ được ký kết, Bộ GD&ĐT hai nước là hai cơ quan được giao làm đầu mối

chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phân bổ chỉ tiêu và ngân sách đào tạo cho các cơ sở đào tạo để thực hiện.

2.2.2.2. Về số lượng và các hệ đào tạo

Với những kết quả tích cực đã đạt được trước đó, trong thời đoạn từ 2006-2016, số lượng lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam tiếp tục tăng qua các năm trong giai đoạn này. Về các hệ đào tạo hợp tác giữa hai nước thời đoạn 2006-2016, số lượng lưu học sinh Lào sang học các hệ ngắn hạn và dài hạn về cơ bản cũng tăng qua các năm. Trong đó, số lượng lưu học sinh Lào sang học các hệ dài hạn ở các bậc đại học và sau đại học về cơ bản vẫn chiếm đa số.

Ở chiều ngược lại, để đáp ứng yêu cầu đào tạo đội ngũ chuyên gia Việt Nam phục vụ sự phát triển theo chiều sâu của quan hệ hợp tác toàn diện Lào – Việt Nam, Việt Nam – Lào, số lượng lưu học sinh Việt Nam sang Lào học cũng tăng liên tục trong thời đoạn 2006-2016.

2.2.2.3. Về loại hình và lĩnh vực hợp tác đào tạo

Trong thời đoạn 2006 – 2016, Lào và Việt Nam tiếp tục thúc đẩy hợp tác loại hình đào tạo chính quy đại học và sau đại học, trong đó đã từng bước nâng dần tỷ lệ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ so với đào tạo sinh viên. Cùng với đó, các lĩnh vực hợp tác đào tạo sau đại học giai đoạn này cũng được mở rộng mạnh mẽ. Trong khi, các lĩnh vực hợp tác đào tạo ở bậc đại học trong giai đoạn này về cơ bản không có nhiều thay đổi lớn. Đặc biệt, trong thời đoạn 2006-2016, nhất là từ năm 2013, Lào và Việt Nam đã có những điều chỉnh hợp lý về cơ cấu ngành học của lưu học sinh Lào diện Hiệp định được tiếp nhận mới hàng năm tại Việt Nam. Trong đó, số lượng lưu học sinh Lào được đào tạo sư phạm tại Việt Nam bắt đầu được chú trọng và tăng mạnh, nhằm tạo “máy cái” tạo điều kiện cho Lào có khả năng đào tạo tại chỗ, giảm dần số học sinh phải gửi ra nước ngoài vừa tốn kém kinh phí, vừa khó phù hợp với điều kiện thực tế của Lào.

Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trung, cao cấp cho Lào cũng được đẩy mạnh và tiếp tục phát triển mạnh mẽ thời gian này.

Về phía Lào, trong thời đoạn 2006-2016, trên cơ sở khả năng và nhu cầu của Việt Nam, Lào không chỉ giúp Việt Nam đào tạo lưu học sinh bậc đại học và bồi dưỡng tiếng Lào mà còn mở rộng loại hình đào tạo chính quy bậc cao học.

2.2.2.4. Về hình thức hợp tác và chất lượng đào tạo

Trong thời đoạn này, hai Chính phủ Lào và Việt Nam thống nhất mở rộng hợp tác với nội dung hợp tác đào tạo bằng nhiều kênh, nhiều hình thức; coi trọng hợp tác đào tạo giữa các địa phương, các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp nhằm xây dựng nền tảng mới cho sự phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu hợp tác và phát triển của mỗi nước. Đáng chú ý, tiếp nối những thành công bước đầu của mô hình hợp tác đào tạo tại chỗ cho Lào. Cho đến năm 2013, có 6 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam đang thực hiện các chương trình liên kết tại Lào. Ngoài ra, lưu học sinh Lào sang Việt Nam cũng được đào tạo theo loại hình mới là loại hình đào tạo tại Việt Nam nhưng do các tổ chức giáo dục nước ngoài thực hiện.

Để cải thiện chất lượng đào tạo trong thời đoạn mới, bên cạnh việc tiếp tục đặt ra các yêu cầu xét tuyển đầu vào, Lào và Việt Nam cũng đã triển khai thực hiện nhiều đổi mới về phương pháp tuyển sinh và đào tạo dự bị đại học, nâng cao trình độ tiếng Việt cho lưu học sinh Lào. Nhờ đó, chất lượng học tập của lưu học sinh Lào tại Việt Nam đã được cải thiện đáng kể so với thời đoạn 1986-2005. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo chưa đồng đều giữa lưu học sinh diện Hiệp định và diện ngoài Hiệp định. Đồng thời, cùng với sự phát triển nhanh của các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Lào theo hình thức hợp tác tại chỗ cho Lào thì chất lượng đào tạo của loại hình này vẫn còn khiêm tốn. Trong khi, chất lượng đào tạo lưu học sinh Việt Nam tại Lào ổn định.

2.2.2.5. Về kinh phí, chương trình, giáo trình và cơ sở vật chất, hạ tầng giáo dục

Trong thời đoạn từ 2006 đến 2016, số vốn Việt Nam viện trợ cho Lào trong lĩnh vực giáo dục về cơ bản có xu hướng tăng đều, từ 90 tỷ đồng năm 2006 liên tục tăng qua các năm và đạt đỉnh vào năm 2014 với 246,2 tỷ đồng. Mặc dù, có giảm nhẹ vào năm 2015, với chỉ còn 229 tỷ đồng nhưng vẫn cao hơn so với các năm trước đó (trừ năm 2014) và bước sang năm 2016 thì con số này tiếp tục tăng lên 238,2 tỷ đồng.

Việt Nam cũng đẩy mạnh hợp tác, giúp đỡ Lào trong xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, trao đổi kinh nghiệm và giúp Lào về cải cách hệ thống giáo dục phổ thông hệ 11 năm sang 12 năm, hoạch định chính sách, biên soạn chương trình, giáo trình. Đồng thời, hai nước còn hỗ trợ nhau trong việc xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Song song với hợp tác hỗ trợ ở cấp Chính phủ, các địa phương hai nước cũng tăng cường hợp tác, giúp đỡ thiết thực lẫn nhau trong lĩnh vực giáo dục.

Tiểu kết

Nhìn chung, hợp tác giáo dục Lào – Việt trong thời đoạn từ năm 1986-2005 và từ năm 2005-2016 đã gặt hái được nhiều kết quả tích cực. Số lượng LHS hai nước không ngừng tăng lên, hợp tác giao dục hai nước ngày càng đổi mới về phương thức, đa dạng hoá về nội dung hợp tác, chất lượng và hiệu quả trong hợp tác về giáo dục giữa hai nước không ngừng được nâng cao. Nhờ đó hợp tác giáo dục đào tạo giữa Lào và Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần xây dựng nguồn nhân lực vững chắc, có trình độ chuyên môn

cao, là nhân tố hàng đầu trong công cuộc phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập, đồng thời, vun đắp và thắt chặt tình đoàn kết, tăng cường mối quan hệ hợp tác đặc biệt giữa hai dân tộc Lào – Việt. Tuy nhiên, hợp tác giáo dục giữa hai nước còn nhiều hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG HỢP TÁC GIÁO DỤC LÀO – VIỆT NAM

3.1. Đánh giá hợp tác Lào - Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục giai đoạn 1986 – 2016

3.1.1. Những đặc điểm hợp tác

Thứ nhất, với các Hiệp định, Nghị định thư... được Đảng và Chính phủ hai nước ký kết, hợp tác giáo dục Lào – Việt từ 1986-2016 đã chấm dứt giai đoạn “ngành giúp ngành” trước đây và mở ra một giai đoạn hợp tác mới toàn diện và bài bản từ Trung ương đến địa phương và giữa nhân dân hai nước. *Thứ hai*, nhìn lại toàn bộ quan hệ hợp tác giáo dục Lào – Việt từ trước đến nay và nhất là trong giai đoạn 1986-2016, có thể thấy đây là mối quan hệ hợp tác liên tục, toàn diện, bước trước chuẩn bị cho bước sau phát triển trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia dân tộc và ý thức hệ, quan hệ truyền thống hữu nghị đặc biệt song phương. *Thứ ba*, mốc năm 1986 đánh dấu thời kỳ đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của mỗi nước đồng thời cũng là mốc đổi mới trong hợp tác giáo dục của hai nước, từ việc đào tạo mở rộng chuyển sang đào tạo theo chiều sâu đi vào chất lượng hơn. *Thứ tư*, giai đoạn này cũng đã thấy sự hợp tác mang tính chất có đi có lại giữa hai bên trong lĩnh vực giáo dục, với

việc Lào đã bắt đầu cung cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam sang học tập, nghiên cứu, thực tập tại Lào. Song quan hệ hợp tác này vẫn mang tính bất đối xứng, phối hợp giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau là chính để phát triển công tác GD&ĐT phục vụ sự nghiệp cách mạng của hai nước trong thời kỳ mới. Thứ năm, do xuất phát từ quan hệ hợp tác truyền thống đặc biệt, có sự gắn bó và hiểu biết lẫn nhau nên trong hợp tác giáo dục Lào – Việt vẫn còn tình trạng nể nang, châm chước cho nhau.

3.1.2. Những thành tựu và hạn chế còn tồn tại

3.1.2.1. Thành tựu

Thứ nhất, giai đoạn 1986-2016 là giai đoạn đầu tiên hai nước đã ký kết được một hệ thống văn bản hợp tác bài bản từ Trung ương đến địa phương tạo khuôn khổ, hành lang pháp lý vững chắc cho hợp tác giáo dục song phương được triển khai thực hiện liên tục, xuyên suốt và hiệu quả. Thứ hai, trong giai đoạn này, Lào và Việt Nam về cơ bản đã triển khai trên thực tế đầy đủ các nội dung hợp tác giáo dục song phương đã thỏa thuận, đặc biệt đối với lưu học sinh diện hiệp định. Thứ ba, hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam đã góp phần làm thay đổi đáng kể bộ mặt ngành giáo dục Lào và có những tác động không nhỏ đến quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của ngành giáo dục Việt Nam. Thứ tư, hợp tác giáo dục Lào – Việt trong giai đoạn này không chỉ góp phần củng cố mối quan hệ đặc biệt Lào – Việt ngày càng phát triển mạnh mẽ, bền vững mà còn thể hiện đậm nét sự tin cậy cao về mặt chính trị giữa hai nước với việc ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt cho hệ thống chính trị của Lào.

3.1.2.2. Hạn chế

Đồng thời, trong hoạt động thực tế, hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam vẫn còn không ít hạn chế, thiếu sót.

Thứ nhất, việc chỉ đạo và tổ chức triển khai các nội dung thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ hai nước, cũng như giữa các bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. *Thứ hai*, chất lượng đào tạo lưu học sinh diện ngoài Hiệp định chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của hai nước. *Thứ ba*, hợp tác đào tạo cán bộ trong hợp tác giáo dục song phương dù đã đạt được nhiều thành tựu to lớn nhưng vẫn còn không ít vấn đề cần cải thiện. *Thứ tư*, hợp tác giáo dục giữa các cơ sở đào tạo của hai nước còn thiếu quy hoạch, cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ hợp tác vẫn hạn chế trong khi các hình thức hợp tác đa dạng hóa nguồn lực đạt hiệu quả chưa cao, chưa khai thác được các nguồn lực từ các bên thứ ba.

3.2. Một số bài học kinh nghiệm trong hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam giai đoạn 1986-2016

3.2.1. Luôn phải biết thích ứng với bối cảnh mới

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều thay đổi, nhất là những thách thức và cơ hội mới đặt ra đối với Lào và Việt Nam từ năm 1986 khi hai nước tiến hành đổi mới và mở cửa, hội nhập quốc tế thì hợp tác Lào – Việt nói chung, hợp tác giáo dục song phương buộc phải có sự điều chỉnh, thích ứng phù hợp để hai nước cùng đạt được những lợi ích song trùng.

3.2.2. Nâng cao chất lượng hợp tác là yếu tố sống còn

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, hợp tác Lào – Việt nói chung và hợp tác giáo dục song phương giữa hai nước nói riêng phải chịu sức ép cạnh tranh rất lớn từ các đối tác và các mối quan hệ hợp tác quốc tế khác. Tất nhiên, trong từng mối quan hệ hợp tác đều phải tính toán tính hiệu quả và khả thi. Do đó, đáng ra trong dự án này Lào hợp tác với Việt Nam, nhưng nếu thấy hợp tác với Trung Quốc, Thái Lan hoặc đối tác khác

mà hiệu quả chắc chắn hơn thì đương nhiên Lào sẽ lựa chọn đối tác khác. Vì vậy, trong hợp tác giáo dục song phương Lào – Việt Nam, nâng cao chất lượng là yếu tố then chốt, sống còn và phải được đặc biệt chú ý, nâng cao thường xuyên.

3.2.3. Hợp tác toàn diện nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm

Trong bối cảnh mới khi nhu cầu về hợp tác giáo dục nhằm đào tạo nguồn nhân lực cao phục vụ sự nghiệp đổi mới và hội nhập ở hai nước là rất lớn nhưng khả năng và nguồn lực của mỗi nước còn nhiều hạn chế thì việc kế thừa tinh thần hợp tác toàn diện của quan hệ đặc biệt Lào – Việt từ xưa đến nay là cần thiết nhưng cùng với đó, hợp tác song phương phải có trọng tâm trọng điểm, biết mình biết người, đảm bảo được hiệu quả và lợi ích cao nhất cho hai bên.

Tiểu kết

Trong hơn 30 năm qua kể từ khi hai nước tiến hành đổi mới đất nước vào năm 1986 đến nay, quan hệ hợp tác giáo dục song phương đã đạt được những chuyển biến đáng kể với những đặc điểm nổi bật. Cụ thể, chặng đường hợp tác giáo dục trong giai đoạn 1986-2016 giữa Lào và Việt Nam đã (i) chấm dứt giai đoạn “ngành giúp ngành” trước đây và mở ra một giai đoạn hợp tác mới toàn diện và bài bản từ Trung ương đến địa phương và giữa nhân dân hai nước; (ii) phản ánh mối quan hệ hợp tác giáo dục liên tục, bền vững, bước trước chuẩn bị cho bước sau tiếp tục phát triển giữa hai nước; (iii) là quá trình đổi mới trong hợp tác giáo dục và đào tạo của hai nước, từ đào tạo mở rộng chuyển sang đào tạo chiều sâu đi vào chất lượng hơn; (iv) cho thấy quan hệ hợp tác mang tính chất có đi có lại giữa hai nước nhưng về bản chất mối quan hệ này vẫn mang tính phối hợp giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau để phát triển công tác giáo dục và đào tạo phục vụ sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới.

Với những nỗ lực và cố gắng của hai nước, hợp tác giáo dục Lào – Việt giai đoạn này đã gặt hái được những những thành tựu to lớn. Hai nước đã ký được một hệ thống văn bản hợp tác bài bản từ Trung ương đến địa phương tạo khuôn khổ, hành lang pháp lý vững chắc cho hợp tác giáo dục song phương được triển khai thực hiện liên tục, xuyên suốt và hiệu quả. Về cơ bản, hai nước đã triển khai trên thực tế đầy đủ các nội dung hợp tác giáo dục đã thỏa thuận, góp phần tạo ra nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, đáp ứng được các yêu cầu đổi mới đang đặt ra.

KẾT LUẬN

Năm 1986 Lào và Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, mở cửa hội nhập quốc tế trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động mới, Đảng và Nhà nước hai nước đã nhanh chóng nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục. Do đó, nhu cầu hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa hai nước là nhu cầu tất yếu, khách quan. Tuy nhiên, trong quá trình đó, hợp tác giáo dục Lào – Việt phải chịu nhiều tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ từ tình hình thế giới và khu vực, lợi ích của Lào và Việt Nam trong bối cảnh mới, cũng như quan hệ hợp tác giáo dục song phương từ trước năm 1986. Đó là những cơ sở nền tảng của quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước Lào - Việt Nam trong 30 năm qua (1986-2016).

Quá trình triển khai hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam trong thời kỳ này được chia thành hai giai đoạn, từ 1986 đến 2005 và từ 2006 đến 2016 với những nội dung và thực tiễn cụ thể về cơ chế phối hợp, số lượng và các hệ đào tạo, về loại hình và lĩnh vực hợp tác, hình thức hợp tác và chất lượng đào tạo, kinh phí, chương trình, giáo trình và cơ sở vật chất, hạ tầng giáo dục. Trên cơ sở phân tích, so sánh cụ thể nội dung và thực tiễn hợp tác giáo dục Lào – Việt Nam trong giai đoạn này, luận án đã rút ra một số đặc điểm tiêu biểu, cùng những thành tựu đạt được, những hạn chế còn tồn tại, và những bài học kinh nghiệm rút ra trong 30 năm hợp tác giáo dục song phương (1986-2016).

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Soulatphone Bounmapheth (2019), “Hợp tác giáo dục Lào – Việt tại tỉnh Champasak trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI”, Tạp chí Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh, số 7 (251), tr. 45-56.
2. Soulatphone Bounmapheth (2019), “Sự thay đổi nhận thức & tư duy của Lào về phát triển giáo dục từ năm 1986”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, số 9 (64), tr. 100-105.
3. Soulatphone Bounmapheth (2019), “Hợp tác giáo dục Lào – Việt từ năm 2011 đến nay: Thực trạng và giải pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 9 (234), tr. 45-53.